yān huī gāng

烟灰缸

noun · ashtray

Example Sentences

Qǐng bǎ yān huī gāng ná guò lái
请把烟灰缸拿过来。

Please bring the ashtray over.

Tā zài zhuō shàng fàng le yī gè gān jìng de yān huī gāng
他在桌上放了一个干净的烟灰缸。

He placed a clean ashtray on the table.

Trace each character, then write the word on your own.

烟 烟 烟 烟 烟 烟 烟 烟 烟 烟 烟
烟 烟

灰 灰 灰 灰 灰 灰 灰 灰 灰

缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸 缸
缸